

QUYẾT ĐỊNH
ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của hội quần chúng
do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương

-
- Căn cứ Điều lệ Đảng;
 - Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XIII;
 - Xét đề nghị của Ban Dân vận Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương.

Điều 2. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương và các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện Quy chế này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký và thay thế Quy định số 284-QĐ/TW, ngày 05/02/2010 của Ban Bí thư về tiêu chuẩn, cơ chế lựa chọn, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý lĩnh vực văn hoá, văn học, nghệ thuật; Kết luận số 32-KL/TW, ngày 30/3/2022 của Ban Bí thư về tiêu chuẩn, điều kiện đối với lãnh đạo hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

Nơi nhận:

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Ban Bí thư Trung ương
Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Uỷ viên
Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.



Trương Thị Mai

QUY CHẾ
tổ chức và hoạt động của hội quần chúng
do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương
(Kèm theo Quyết định số 118-QĐ/TW, ngày 22/8/2023 của Ban Bí thư)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định tổ chức và hoạt động đối với hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương (sau đây gọi tắt là hội) theo Phụ lục I.

Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ của hội

Là tổ chức tự nguyện, tự quản, có chức năng, nhiệm vụ vận động, tuyên truyền, đoàn kết, tập hợp quần chúng theo lĩnh vực, nghề nghiệp; đại diện cho quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên, các tầng lớp Nhân dân; xây dựng và phát triển tổ chức, phát triển hội viên; là cầu nối giữa Đảng với các tầng lớp Nhân dân, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chương II
TỔ CHỨC CỦA HỘI

Điều 3. Các cơ quan lãnh đạo của hội

1. Đại hội toàn quốc

- Đại hội toàn quốc là cơ quan lãnh đạo cao nhất của hội, được tổ chức theo nhiệm kỳ 5 năm một lần hoặc bất thường trong trường hợp cần thiết. Ban chấp hành đương nhiệm triệu tập đại hội sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án tổ chức đại hội, văn kiện và nhân sự trình đại hội. Đại hội chỉ được tiến hành khi có trên 2/3 đại biểu triệu tập có mặt. Đại hội bất thường được tiến hành khi có kiến nghị của trên 2/3 uỷ viên ban chấp hành đương nhiệm và được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện đối với đại biểu tham dự đại hội do ban chấp hành triệu tập quyết định; việc công nhận, không công nhận tư cách đại biểu do đại hội quyết định.

Đại hội đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết của nhiệm kỳ qua, quyết định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhiệm kỳ tới; khi cần thiết sửa đổi, bổ sung điều lệ hội.

- Ban chấp hành đương nhiệm xây dựng đề án nhân sự đại hội, dự kiến cụ thể số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện ban chấp hành, ban thường vụ, thường trực hội và ban kiểm tra nhiệm kỳ mới, xin ý kiến cấp có thẩm quyền để trình đại hội xem xét, quyết định.

- Đại hội bầu ban chấp hành. Ban chấp hành bầu ban thường vụ hoặc đoàn chủ tịch, chủ tịch và các phó chủ tịch, ban kiểm tra và trưởng ban kiểm tra. Việc bầu cử thông qua bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết bằng hình thức giơ tay theo quy định của điều lệ hoặc quyết định của đại hội và báo cáo công khai kết quả trước đại hội, hội nghị ban chấp hành.

2. Ban chấp hành, ban thường vụ

- Ban chấp hành là cơ quan lãnh đạo giữa 2 kỳ đại hội. Ban thường vụ hoặc đoàn chủ tịch là cơ quan lãnh đạo giữa 2 kỳ họp ban chấp hành.

- Số lượng uỷ viên ban chấp hành, uỷ viên ban thường vụ do đảng đoàn (đối với hội có đảng đoàn), ban thường vụ hội (đối với hội không có đảng đoàn) căn cứ vào tính chất, phạm vi hoạt động, số lượng hội viên và thành viên của hội đề xuất khi xây dựng đề án nhân sự đại hội, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Quy trình giới thiệu nhân sự uỷ viên ban chấp hành, ban thường vụ, ban kiểm tra thực hiện đồng thời với quy trình giới thiệu nhân sự chủ tịch, phó chủ tịch, trưởng ban kiểm tra hội (theo Phụ lục II).

3. Thường trực hội

- Thường trực hội (gồm chủ tịch, phó chủ tịch chuyên trách) là cơ quan điều hành công việc hằng ngày của hội.

- Về số lượng phó chủ tịch: Hội có đảng đoàn được bố trí không quá 3 phó chủ tịch chuyên trách; hội không có đảng đoàn được bố trí không quá 2 phó chủ tịch chuyên trách. Theo yêu cầu hoạt động, có thể bố trí một số phó chủ tịch không chuyên trách, số lượng do hội trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Về tiêu chuẩn, điều kiện: Chủ tịch, phó chủ tịch hội phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có năng lực lãnh đạo, quản lý; có uy tín và kinh nghiệm công tác; đối với các hội chuyên ngành cần có chuyên môn phù hợp. Đối với lãnh đạo hội là người đã nghỉ hưu, nếu tiếp tục làm việc phải có đủ sức khoẻ, uy tín cao, được ban thường vụ, ban chấp hành đồng thuận, nhất trí giới thiệu.

- Về độ tuổi: Chủ tịch, phó chủ tịch hội là người đã nghỉ hưu thì tuổi giới thiệu lần đầu hoặc tái cử không quá 65 tuổi. Đối với chủ tịch hội, trường hợp đặc biệt không quá 70 tuổi, do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Về nhiệm kỳ: Chủ tịch, phó chủ tịch hội giữ chức vụ không quá 2 nhiệm kỳ liên tiếp; trường hợp đã giữ chức vụ 2 nhiệm kỳ liên tiếp mà chưa đến tuổi nghỉ hưu theo quy định thì cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 4. Thẩm quyền giới thiệu nhân sự

1. Nhân sự được giới thiệu ứng cử chủ tịch, phó chủ tịch, ban thường vụ hoặc đoàn chủ tịch, ban chấp hành hội phải được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ.

2. Đối với hội có đảng đoàn: Ban Bí thư xem xét, cho ý kiến nhân sự giới thiệu bầu chủ tịch hội. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với ban đảng được phân công theo dõi, chỉ đạo hội, Bộ Nội vụ và cấp uỷ, tổ chức đảng có liên quan xem xét, cho ý kiến nhân sự giới thiệu bầu phó chủ tịch hội (trừ nhân sự thuộc thẩm quyền Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý). Đảng đoàn của hội xem xét, giới thiệu các nhân sự còn lại sau khi xin ý kiến ban đảng được phân công theo dõi, chỉ đạo (trừ nhân sự thuộc thẩm quyền Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý).

3. Đối với hội không có đảng đoàn: Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với ban đảng được phân công theo dõi, chỉ đạo hội, Bộ Nội vụ và cấp uỷ, tổ chức đảng có liên quan xem xét, cho ý kiến nhân sự giới thiệu bầu chủ tịch, phó chủ tịch hội (trừ nhân sự thuộc thẩm quyền Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý). Ban thường vụ hội xem xét, giới thiệu nhân sự còn lại.

4. Đối với các hội là thành viên của Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (gọi tắt là Liên hiệp Hội): Nhân sự bầu chủ tịch, phó chủ tịch hội do Đảng đoàn Liên hiệp Hội giới thiệu sau khi xin ý kiến ban đảng được phân công theo dõi, chỉ đạo (trừ nhân sự thuộc thẩm quyền Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý). Ban thường vụ hội xem xét, giới thiệu nhân sự còn lại.

Trường hợp bổ sung nhân sự trong nhiệm kỳ thực hiện quy trình như quy trình giới thiệu nhân sự đại hội.

Điều 5. Cơ quan tham mưu, giúp việc

Cơ quan tham mưu, giúp việc của hội gồm văn phòng và các ban, đơn vị chuyên môn do hội thành lập theo quy định của điều lệ hội.

Điều 6. Pháp nhân trực thuộc hội

Theo yêu cầu hoạt động, hội có thể thành lập một số pháp nhân theo quy định của pháp luật, phù hợp với tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực hoạt động và điều kiện của hội.

Điều 7. Chế độ, chính sách đối với người làm việc thường xuyên tại hội

1. Người làm việc thường xuyên tại hội gồm: Chủ tịch, phó chủ tịch chuyên trách; người làm việc tại đơn vị tham mưu, giúp việc trong biên chế được giao; người làm việc theo hợp đồng.

2. Chế độ, chính sách đối với người làm việc thường xuyên tại hội:

- Người trong độ tuổi lao động được phân công, điều động đến làm việc tại hội theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và người được tuyển dụng trong chỉ tiêu biên chế của hội thì hưởng lương, phụ cấp và chế độ, chính sách khác theo quy định đối với cán bộ, công chức.

- Người đã nghỉ hưu giữ các chức danh lãnh đạo chuyên trách hội được hưởng thù lao theo quy định.

- Người làm việc theo hợp đồng (bao gồm cả những người đang hưởng lương hưu) được hưởng tiền công hoặc thù lao và chế độ, chính sách khác do hội quyết định, phù hợp với yêu cầu công việc và tài chính của hội.

3. Thời gian làm việc của người đã nghỉ hưu do hội quyết định nhưng không quá 10 năm kể từ ngày được hưởng lương hưu.

Điều 8. Tổ chức đảng ở hội

1. Tổ chức đảng ở hội gồm đảng đoàn, đảng bộ, chi bộ được thành lập theo quy định, là cầu nối giữa Đảng với hội viên của hội.

2. Đảng đoàn hội do Ban Bí thư thành lập, chịu sự lãnh đạo trực tiếp và thường xuyên của Ban Bí thư, thực hiện chức năng lãnh đạo, chỉ đạo đối với hội theo quy định của Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương.

3. Tập thể lãnh đạo hội không có đảng đoàn gồm ban thường vụ đảng uỷ (hoặc chi uỷ) và ban thường vụ hội thực hiện chức năng lãnh đạo, chỉ đạo đối với hội. Để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, tổ chức đảng các hội sắp xếp, kiện toàn theo hướng bí thư là chủ tịch hội, phó bí thư là phó chủ tịch hội, các uỷ viên ban thường vụ đảng uỷ (hoặc chi uỷ) là lãnh đạo hội và cấp trưởng một số ban, đơn vị của hội.

4. Đảng bộ, chi bộ ở hội là tổ chức đảng trực thuộc Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương, Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương hoặc Đảng bộ thành phố Hà Nội.

5. Đảng viên là người làm việc thường xuyên tại hội phải tham gia sinh hoạt tại tổ chức đảng ở hội; đóng vai trò nòng cốt, nêu cao trách nhiệm, tinh thần tiên phong, gương mẫu của đảng viên sinh hoạt tại hội, nhất là người đứng đầu.

Chương III HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI

Điều 9. Quyền của hội

1. Được cung cấp thông tin, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Được tham gia ý kiến trong xây dựng cơ chế, chính sách liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và lĩnh vực hoạt động của hội.

3. Được giao thực hiện một số hoạt động chuyên môn, dịch vụ công phù hợp với lĩnh vực hoạt động của hội theo quy định.

4. Tham gia tư vấn, phản biện chính sách, chương trình, đề tài, dự án theo đề nghị của cơ quan nhà nước. Chủ trì hoặc tham gia đề tài, đề án liên quan đến lĩnh vực hoạt động của hội.

5. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao.

6. Được tổ chức một số hoạt động kinh tế; tiếp nhận nguồn lực hợp pháp trong nước và ngoài nước gắn với tôn chỉ, mục đích hoạt động, chức năng, nhiệm vụ được giao; quan hệ hợp tác với tổ chức, cá nhân; tham gia hoạt động đối ngoại nhân dân và một số cơ chế hợp tác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Trách nhiệm của hội

1. Phổ biến, tuyên truyền, vận động hội viên, các tầng lớp Nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chủ trương, quyết định liên quan đến tổ chức, hoạt động của hội; tích cực tham gia các chương trình phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước; thực hiện nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao, tăng cường đồng thuận xã hội.

2. Tổ chức hoạt động theo đúng tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của hội; chỉ đạo, quản lý chặt chẽ hoạt động của các pháp nhân trực thuộc hội; quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản được giao, các loại quỹ theo đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và điều lệ hội; chấp hành hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan chức năng.

3. Phát triển, tập hợp, đoàn kết hội viên trong các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động; đại diện, bảo vệ, phản ánh, kiến nghị, phối hợp giải quyết quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên, các tầng lớp Nhân dân.

4. Định kỳ 6 tháng, 1 năm và khi có yêu cầu gửi báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động đến các ban đảng được phân công theo dõi, chỉ đạo, Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (nếu hội là tổ chức thành viên), Bộ Nội vụ và bộ quản lý nhà nước đối với hội.

5. Xin ý kiến ban đảng được phân công theo dõi, chỉ đạo hội về chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm và đại hội nhiệm kỳ; mời đại diện ban đảng, các cơ quan được phân công theo dõi, chỉ đạo hội dự họp đảng đoàn (đối với hội có đảng đoàn), dự họp ban thường vụ (đối với hội không có đảng đoàn).

6. Việc thay đổi trụ sở, mở văn phòng đại diện, thành lập pháp nhân trực thuộc hội phải bảo đảm đúng quy định pháp luật và thông báo bằng văn bản tới ban đảng được phân công theo dõi, chỉ đạo hội và bộ quản lý nhà nước có liên quan.

Điều 11. Chế độ làm việc của hội

Hội làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số theo điều lệ hội. Các đơn vị tham mưu, giúp việc làm việc theo chế độ thủ trưởng.

Điều 12. Quan hệ công tác của hội

1. Hội hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng, thường xuyên và trực tiếp của Ban Bí thư; hướng dẫn, theo dõi và chỉ đạo của ban đảng được phân công; quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật (Phụ lục III).

Căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn, Đảng phân công cán bộ của ban đảng, cơ quan nhà nước tham gia đảng đoàn, giới thiệu bầu giữ chức phó chủ tịch hoặc uỷ viên ban thường vụ hội.

2. Hội phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, các địa phương trong tổ chức hoạt động.

Hội là tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện hiệp thương thống nhất, phối hợp hành động (theo nghị quyết đã được hiệp thương thống nhất).

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Bộ Chính trị, Ban Bí thư phân công các ban đảng theo dõi, chỉ đạo hoạt động hội phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; thành lập đảng đoàn đối với một số hội.

2. Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến hội và quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của hội.

3. Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo công tác quản lý nhà nước; quyết định biên chế, kinh phí hoạt động, điều kiện làm việc, chế độ, chính sách của hội gắn với nhiệm vụ được giao.

4. Ban cán sự đảng các bộ, ngành Trung ương chỉ đạo công tác quản lý nhà nước đối với hội; thanh tra, kiểm tra hoạt động của hội và pháp nhân trực thuộc hội, xử lý nghiêm vi phạm.

5. Ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương chỉ đạo cụ thể hoá, sắp xếp, giao nhiệm vụ cho các hội quần chúng phù hợp với điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ của địa phương.

6. Đảng đoàn, tập thể lãnh đạo các hội chỉ đạo quán triệt, cụ thể hoá, tổ chức thực hiện nghiêm Quy chế.

7. Ban Tổ chức Trung ương theo dõi, hướng dẫn công tác nhân sự đối với hội; Đảng uỷ Khối các cơ quan Trung ương chủ trì hướng dẫn tổ chức, hoạt động và quản lý đảng viên trong đảng bộ, chi bộ ở hội.

8. Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với các ban đảng Trung ương và các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát và tổng hợp kết quả thực hiện Quy chế, định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

Phụ lục I
**CÁC HỘI QUÀN CHÚNG DO ĐẢNG, NHÀ NƯỚC
 GIAO NHIỆM VỤ Ở TRUNG ƯƠNG**

1. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam
 2. Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
 3. Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị Việt Nam
 4. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
 5. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam
 6. Hội Chữ thập đỏ Việt Nam
 7. Hội Nhà báo Việt Nam
 8. Hội Nhà văn Việt Nam
 9. Hội Luật gia Việt Nam
 10. Liên đoàn Luật sư Việt Nam
 11. Hội Người cao tuổi Việt Nam
 12. Hội Đông y Việt Nam
 13. Hội Kiến trúc sư Việt Nam
 14. Hội Cựu thanh niên xung phong Việt Nam
 15. Hội Mỹ thuật Việt Nam
 16. Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam
 17. Tổng hội Y học Việt Nam
 18. Hội Nhạc sĩ Việt Nam
 19. Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam
 20. Hội Khoa học lịch sử Việt Nam
 21. Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam
 22. Hội Người mù Việt Nam
 23. Hội Điện ảnh Việt Nam
 24. Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam
 25. Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam
 26. Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam
 27. Hội Khuyến học Việt Nam
 28. Hội Cứu trợ trẻ em tàn tật Việt Nam
 29. Hội Xuất bản Việt Nam
 30. Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam
-